

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-CN
V/v phê duyệt Chiến lược phát
triển ngành thép giai đoạn đến
năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nghệ An, ngày tháng 02 năm 2026

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (có văn bản gửi kèm theo),

UBND tỉnh giao:

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động nghiên cứu và triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Công Thương chịu trách nhiệm nghiên cứu Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ để hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện; tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh theo dõi lĩnh vực;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN (TP, T.Tr).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phùng Thành Vinh

Số: 261 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép
giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số 2334/TTr-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2025, Công văn số 7963/BCT-CLCS ngày 14 tháng 10 năm 2025 và Công văn số 10173/BCT-CLCS ngày 24 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1) Bám sát các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan để xây dựng ngành thép với vai trò là một trong những ngành công nghiệp nền tảng; phát triển độc lập, tự chủ, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đảm bảo quốc phòng an ninh.

2) Phát triển ngành thép với cơ cấu hợp lý, hài hòa theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; tận dụng tối đa và hiệu quả nguồn nguyên liệu trong nước; đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; khai thác các lợi thế và cơ hội quốc tế, chủ động tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành thép trên thị trường thế giới.

3) Nhận thức đầy đủ, tôn trọng, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, phù hợp với các điều kiện phát triển của đất nước, phát triển ngành thép trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

4) Phát triển ngành thép phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, địa phương để tập trung nguồn lực và phải được thực hiện một cách triệt để, quyết liệt với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, chính quyền trung ương, địa phương và doanh nghiệp.

5) Phát triển ngành thép trên cơ sở đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo các cơ sở sản xuất nhỏ đáp ứng được yêu cầu về công nghệ và môi trường với lộ trình chuyển đổi phù hợp; sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành thép theo hướng tập trung vào sản phẩm thép có chất lượng cao phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế; đa dạng về sản phẩm, từng bước chuyển đổi sang sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường, tận dụng tối đa nguồn nhiên liệu, đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong nước, tăng nhanh xuất khẩu, tính cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm để từng bước thay thế thép nhập khẩu, đặc biệt là thép hợp kim, thép dụng cụ và các sản phẩm thép đặc biệt cho các ngành chế tạo trong nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn đến năm 2030

- Sản xuất thép thô tăng trưởng bình quân khoảng 7,0% - 8,0%/năm, sản lượng đạt khoảng 25 - 26 triệu tấn/năm.

- Thép thành phẩm tăng trưởng từ 5,5% - 6,5%/năm, sản lượng đạt khoảng 32 - 33 triệu tấn/năm.

- Thép tiêu thụ bình quân 270 - 280 kg/người/năm.

- Sản phẩm của ngành thép về cơ bản đáp ứng được khoảng 80% - 85% nhu cầu sử dụng trong nước và từng bước tăng tỷ trọng xuất khẩu.

- Tăng dần tỷ lệ các sản phẩm thép có giá trị gia tăng cao: Thép hợp kim, thép không gỉ, thép chất lượng cao phục vụ các ngành chế tạo, sản xuất, phương tiện giao thông vận tải (ô tô, đóng tàu, đường sắt), năng lượng.

2.2. Giai đoạn đến năm 2035

- Sản xuất thép thô tăng trưởng bình quân khoảng 6,0% - 7,0%/năm, sản lượng đạt khoảng 33 - 36 triệu tấn/năm.

- Thép thành phẩm tăng trưởng từ 4,5% - 5,5%/năm, sản lượng đạt khoảng 40 - 43 triệu tấn/năm.

- Thép tiêu thụ bình quân 340 - 360 kg/người/năm.

- Sản phẩm của ngành thép về cơ bản đáp ứng được khoảng 85% - 90% nhu cầu sử dụng trong nước và từng bước tăng tỷ trọng xuất khẩu.

- Tiếp tục tăng tỷ lệ các sản phẩm thép có giá trị gia tăng cao: Thép hợp kim, thép không gỉ, thép chất lượng cao phục vụ các ngành chế tạo, sản xuất, phương tiện

giao thông vận tải (ô tô, đóng tàu, đường sắt), năng lượng, thép chế tạo quốc phòng an ninh.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Sản xuất thép thô tăng trưởng bình quân khoảng 4,0% - 4,5%/năm, sản lượng đạt khoảng 65 - 70 triệu tấn/năm.

- Thép thành phẩm tăng trưởng từ 3,5% - 4,0%/năm, sản lượng đạt khoảng 75 - 80 triệu tấn/năm.

- Thép tiêu thụ bình quân 570 - 650 kg/người/năm.

- Sản phẩm của ngành thép về cơ bản đáp ứng được tối đa nhu cầu sử dụng thép trong nước và từng bước tăng tỷ trọng xuất khẩu.

- Sản phẩm của ngành thép tham gia ngày càng sâu vào chuỗi cung ứng của ngành thép thế giới.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

- Tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế, có nhu cầu sử dụng cao hiện tại trong nước chưa sản xuất được; chú trọng đầu tư vào các dự án sản xuất thép công nghệ tiên tiến, hiện đại, sản xuất thép xanh, thép hợp kim, thép cho ngành chế tạo, các sản phẩm có năng lực cạnh tranh cao, có đủ khả năng tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời tăng nhanh hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

- Phân bố không gian sản xuất ngành thép một cách hợp lý dựa trên lợi thế về địa lý, tập trung đầu tư các dự án có quy mô lớn tại các địa phương có cảng nước sâu nhằm phát huy hết lợi thế về không gian, hạ tầng, địa điểm có nguồn năng lượng tái tạo và nguồn lực sản xuất; đẩy mạnh mối liên kết trong chuỗi giá trị từ nghiên cứu, cung cấp nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2. Định hướng cụ thể

2.1. Về sản phẩm ưu tiên

- Cân đối hợp lý cung cầu trong sản xuất sản phẩm thép một cách hiệu quả, khuyến khích thúc đẩy phát triển nhóm sản phẩm thép xuất khẩu có giá trị gia tăng cao đặc biệt quan tâm đến dịch chuyển từ chuỗi giá trị thép dài sang thép dẹt để chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào cho phát triển ngành cơ khí chế tạo trong nước như: thép hợp kim, thép chế tạo máy, thép không gỉ, thép hình, thép ray,... cũng như đảm bảo sản phẩm thép cán nóng (HRC) cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Đối với thép dài chú trọng phát triển các sản phẩm thép chất lượng cao trong nước chưa sản xuất được.

- Sử dụng công nghệ số trong quá trình sản xuất để tăng cường hiệu suất và chất lượng sản phẩm; tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý, đi đôi với hoàn thiện các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về thép, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống gian lận thương mại, trốn thuế nhập khẩu và thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá.

- Tăng cường công tác hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, thí nghiệm phát triển sản phẩm thép mới sử dụng trong ngành công nghiệp công nghệ cao, có chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư nhằm thúc đẩy doanh nghiệp có tiềm năng sản xuất ra những chủng loại thép có chất lượng cao; thép hợp kim, thép dụng cụ nhằm thay thế thép nhập khẩu, đáp ứng được yêu cầu của ngành cơ khí chế tạo trong nước.

- Ưu tiên phát triển các sản phẩm thép:

+ Thép dài: thép làm cột bê tông cốt thép ứng suất trước, thép thanh, dây, cuộn, thép thanh trợ lực, thép hình, thép đóng tàu, thép ray đường sắt, thép công nghiệp chế tạo điện gió, thép công nghiệp quốc phòng an ninh.

+ Thép dẹt: thép hợp kim, thép chế tạo máy, thép dụng cụ, thép tấm phục vụ các ngành công nghiệp chế tạo, sản xuất phương tiện giao thông vận tải.

2.2. Về nguồn nguyên liệu

- Sử dụng nguồn quặng sắt trong nước hiệu quả, xây dựng kế hoạch tổng thể về cung cấp nguyên liệu quặng sắt (từ nguồn trong nước và nhập khẩu) cho các nhà máy sản xuất gang, sắt xộp và từ nguồn thép phế liệu (nhập khẩu) làm nguyên liệu cho các nhà máy luyện thép, dùng phối liệu trong luyện gang/luyện thép. Không cho phép xuất khẩu quặng sắt, khoáng sản tự nhiên nhằm đảm bảo nguồn cung nguyên liệu sản xuất, tăng tính chủ động, tránh tác động xấu cho ngành công nghiệp sản xuất thép trong nước.

- Đa dạng hóa nguồn cung quặng sắt, thép phế liệu, khuyến khích đầu tư vào khai thác tối đa quặng sắt trong nước và phát triển thêm các nguồn cung, bao gồm cả việc nhập khẩu, song song tiến hành triển khai công tác tìm kiếm đối tác và xây dựng các mối quan hệ hợp tác với các nhà cung cấp quặng sắt, thép phế uy tín, đáng tin cậy trên thị trường quốc tế.

- Thúc đẩy các hoạt động thu gom, tháo dỡ và xử lý theo hướng công nghiệp đối với các sản phẩm thép hết vòng đời để cung cấp nguồn thép phế liệu tái chế, tăng nguồn cung nguyên liệu sản xuất thép trong nước.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế có tiềm lực tài chính, khoa học công nghệ trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản đặc biệt là trong khai thác quặng sắt để chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và tài nguyên, từ đó tạo ra sự phát triển bền vững cho ngành công nghiệp sản xuất thép của Việt Nam.

2.3. Về nguồn năng lượng phục vụ sản xuất

- Để đảm bảo an ninh năng lượng và đóng góp vào việc giảm phát thải khí nhà kính (Net Zero đến 2050), tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và các dẫn xuất hydro (H₂), amoniac (NH₃) trong sản xuất thép thông qua dự án thép đầu tư mới, các dự án thép được cấp chủ trương đầu tư mới cho đến năm 2035 cần đi kèm dự án phát triển năng lượng tái tạo hoặc mua bán điện trực tiếp với tỷ lệ nhất định theo quy định pháp luật.

- Khuyến khích thay đổi công nghệ trong sản xuất thép như thu hồi nhiệt dư, tuần hoàn nước trong quá trình sản xuất theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tối ưu

hóa sử dụng năng lượng, tiết kiệm tài nguyên trong quá trình sản xuất thép.

2.4. Về phát triển các doanh nghiệp ngành thép

- Phát triển doanh nghiệp ngành thép theo hướng hiện đại, bền vững, sử dụng công nghệ mới; thiết bị máy móc hiện đại, sản xuất sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa sản phẩm; giảm phát thải khí nhà kính nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế. Ưu tiên phát triển các dự án thép tập trung, quy mô lớn gần các khu vực ven biển có cảng nước sâu, đồng thời rà soát đảm bảo các cơ sở sản xuất nhỏ đáp ứng được yêu cầu về công nghệ và môi trường với lộ trình chuyển đổi phù hợp. Các dự án sản xuất nhỏ, sử dụng công nghệ lạc hậu, sản xuất kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường không đáp ứng yêu cầu về công nghệ và môi trường với lộ trình cần phải đổi mới công nghệ để đáp ứng cả quy chuẩn tiêu thụ năng lượng và môi trường phù hợp.

- Hình thành hệ thống doanh nghiệp hỗ trợ ngành thép, bao gồm cả cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, hạ tầng, dịch vụ và nguyên liệu phụ trợ sản xuất nhằm đảm bảo sự hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước phát triển sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

- Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư phát triển ngành thép thông qua tạo lập môi trường đầu tư thuận tiện, ổn định, minh bạch và công bằng với cơ chế thông thoáng khi giao các mỏ khoáng sản quy mô lớn và các dự án năng lượng tái tạo, bên cạnh đó xem xét xây dựng hàng rào kỹ thuật phù hợp và cơ chế hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư vào các dự án sản xuất thép quy mô lớn, tổ hợp luyện kim trong đó tập trung vào sản xuất các loại thép phục vụ ngành cơ khí chế tạo công nghệ cao có dung lượng thị trường lớn nhằm mục tiêu đáp ứng cơ bản nhu cầu về thép cho thúc đẩy phát triển nền kinh tế trong nước.

2.5. Về thị trường tiêu thụ thép

a) Đối với thị trường trong nước

- Cân đối cung cầu thép trong nước, đảm bảo đủ nguồn cung thép cho thị trường; đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ, đảm bảo đáp ứng kịp thời, đầy đủ thép cho phát triển các ngành công nghiệp khác trong nền kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống, trung tâm phân phối rộng khắp trên cả nước, kể cả phát triển sàn giao dịch thép trong và ngoài nước, áp dụng nền tảng công nghệ số, hiện đại, ứng dụng các mô hình quản trị thông minh, tạo cơ chế để thị trường ngành thép phát triển lành mạnh.

- Đẩy mạnh công tác cập nhật dữ liệu thông tin về thị trường kết hợp với tăng cường công tác dự báo chính xác thông tin nhằm chủ động trong sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp triển khai các hình thức tiếp thị trực tuyến thông qua mạng internet và mạng xã hội để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

b) Đối với thị trường xuất, nhập khẩu

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thép, kết hợp với thu thập, phân tích, dự báo, đánh giá thị trường thế giới một cách kịp thời, đầy đủ và cập nhật chủ trương, chính sách mới cũng như sự biến động của thị trường

trong nước và thị trường nước ngoài, nhằm chủ động trong sản xuất, cân đối cung cầu thị trường trong nước và trên thế giới, đảm bảo đạt được hiệu quả, giá trị gia tăng cao của ngành thép khi tham gia vào chuỗi cung ứng thép toàn cầu.

- Tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại khi có các dấu hiệu bán phá giá và trợ cấp đối với sản phẩm nhập khẩu để bảo vệ sản xuất trong nước, tuân thủ theo thông lệ quốc tế.

- Tập trung xây dựng một số thương hiệu quốc gia đối với các sản phẩm thép chủ lực trong nước để tạo vị thế, uy tín từ đó từng bước tăng dần thị phần thép Việt Nam trên thị trường quốc tế bằng chất lượng sản phẩm thép, dịch vụ và giá thành cạnh tranh.

- Ban hành các quy chuẩn (QCVN), tiêu chuẩn (TCVN) và thiết lập cơ chế tăng cường kiểm tra, kiểm soát tại nguồn các sản phẩm nhập khẩu để đảm bảo chất lượng thép.

- Tìm kiếm và mở rộng các thị trường xuất khẩu mới bên cạnh việc tăng cường hiện diện ở các thị trường xuất khẩu truyền thống; cần đặc biệt quan tâm, tuân thủ các quy định về thương mại quốc tế và quản lý rủi ro, đảm bảo thực hiện theo các quy định về tiêu chuẩn chất lượng để tránh rủi ro pháp lý và tăng cường uy tín thương mại đối với sản phẩm thép sản xuất trong nước.

2.6. Về công nghệ

- Tăng dần đầu tư phát triển công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại giảm thiểu tiêu tốn năng lượng trong quá trình sản xuất, chuyển đổi công nghệ sản xuất thép xanh, sạch hơn từ nguồn năng lượng tái tạo, các dẫn xuất hydrogen (H_2) và amoniac (NH_3) để đáp ứng yêu cầu Net Zezo đến năm 2050.

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ xử lý chất thải rắn, khí thải theo hướng tuần hoàn, thực hiện kế hoạch hành động sản xuất thông minh trong ngành thép để tăng cường hiệu suất, giá trị gia tăng sản phẩm.

- Nghiên cứu lộ trình áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất thép bằng lò BOF/BF, DRI/EAF nhằm giảm thiểu phát thải CO_2 đáp ứng tiêu chuẩn carbon quốc tế hỗ trợ sản phẩm thép tham gia sâu vào chuỗi cung ứng thép trên toàn cầu.

- Nghiên cứu xây dựng một trung tâm dữ liệu lớn (Big data) cho ngành thép để cải thiện khả năng sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

2.7. Về phân bố không gian

- Hình thành một số trung tâm sản xuất thép lớn trên các phân vùng không gian từ miền Trung và miền Nam: Khu kinh tế Dung Quất - Quảng Ngãi; Khu Kinh tế Vũng Áng - Hà Tĩnh; Khu Kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa; Khu Công nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh,... gắn liền với hệ thống cảng biển nước sâu, nguồn cung cấp năng lượng từ các dự án năng lượng tái tạo, tuyến vận tải đường biển, đường sắt, đường bộ và dự án nhà máy điện quy mô lớn. Khuyến khích đầu tư dự án sản xuất thép (bao gồm cả đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sử dụng lò điện ở khu vực miền Nam,

miền Trung; trường hợp đầu tư mới các dự án sản xuất thép tại khu vực miền Bắc phải tự đảm bảo nguồn năng lượng sản xuất.

- Xây dựng các khu kinh tế đặc biệt hoặc khu vực phát triển công nghiệp tổng hợp nhằm gắn sản xuất thép với các ngành công nghiệp khác như sản xuất lắp ráp ô tô, đóng tàu, chế tạo máy và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo kim loại khác.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến sản xuất và thương mại các sản phẩm của ngành thép, trong đó chú trọng đến một số vấn đề như: ưu đãi đầu tư, tài chính, khoa học và công nghệ, một số quy định về tỷ lệ sử dụng thép nội địa trong các dự án hạ tầng chiến lược được đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước.

- Rà soát, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn quốc gia (QCVN) kết hợp xây dựng quy định pháp luật về quản lý chất lượng đối với các sản phẩm thép sản xuất trong nước và nhập khẩu; ban hành các quy định về công nghệ, thiết bị của ngành thép để đầu tư, nâng cấp các cơ sở sản xuất xuất nhỏ lẻ, hạn chế công nghệ cũ, lạc hậu, kém hiệu quả, phát triển công nghệ sản xuất tiên tiến hiện đại; tăng cường hỗ trợ phổ biến các quy chuẩn, quy định quốc tế liên quan đến sản xuất và phân phối sản phẩm thép.

- Khuyến khích thăm dò, khai thác mỏ quặng sắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong việc cấp phép thăm dò, khai thác để đẩy nhanh tiến độ khai thác các mỏ quặng trong nước. Bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc giải phóng mặt bằng, ổn định tái định cư, tạo việc làm cho người dân trong khu vực khai thác.

- Xem xét xây dựng cơ chế hỗ trợ đẩy mạnh việc đầu tư thu mua nguyên liệu theo mô hình tổ hợp, hệ sinh thái phế liệu kim loại một cách hiện đại, thân thiện với môi trường và ban hành kèm theo bộ quy tắc, quy trình và tiêu chuẩn hoạt động. Bên cạnh đó, xây dựng các chính sách khuyến khích hình thành các sàn giao dịch thương mại điện tử trong trao đổi mua bán nguyên liệu, sản phẩm ngành thép.

- Tăng cường sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm thép nhập khẩu để bảo vệ thị trường trong nước; cảnh báo sớm những vụ việc liên quan đến phòng vệ thương mại của thế giới đối với thép nhập khẩu nhằm tránh rủi ro liên quan đến xuất khẩu thép.

2. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Phát huy vai trò của các chi nhánh nhằm tăng tính chủ động trong kinh doanh; đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, kết nối giữa nhà sản xuất

với nhà phân phối thông qua đầu mối cung cấp sản phẩm, có đầy đủ các kho bãi đảm bảo tiêu chuẩn chứa lưu để tiếp cận với nhà tiêu thụ.

- Tăng cường tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước để quảng bá, xúc tiến thương mại, bao gồm cả việc tạo ra các chiến dịch quảng cáo và sự kiện truyền thông giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp ở các thị trường, đưa nhãn mác, thương hiệu thép của Việt Nam đến nhà tiêu thụ trong và ngoài nước.

3. Về khoa học công nghệ

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, phát triển nguồn nguyên liệu hỗ trợ sản xuất mới để tạo ra các sản phẩm có tính năng khác biệt cho ngành công nghiệp chế biến thép, cơ khí chế tạo; hỗ trợ nâng cấp các trung tâm giám định, kiểm soát chất lượng, công tác nghiên cứu sản phẩm mới, công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và pháp lý, khắc phục các rào cản kỹ thuật thương mại.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, phát thải carbon thấp; áp dụng công nghệ thu giữ carbon trong lĩnh vực luyện thép; áp dụng công nghệ điện phân ô-xít nóng chảy trong lĩnh vực luyện thép; sử dụng hydro thay thế coke trong luyện thép “xanh”; ứng dụng IoT, AI, tự động hóa vào trong quá trình sản xuất thép để tăng cường hiệu quả, hiệu suất, giảm thiểu tác động đến môi trường góp phần thực hiện tốt kế hoạch hành động sản xuất thông minh trong ngành thép.

- Lựa chọn áp dụng công nghệ sản xuất phù hợp với từng thời kỳ phát triển đối với các dự án đầu tư mới. Kiên quyết không cho phép nhập khẩu công nghệ cũ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng để sản xuất thép trong nước. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng giá trị của ngành thép.

- Thực hiện nhất quán và đồng bộ các quan điểm nâng cao trình độ công nghệ sản xuất bằng phương thức tiếp nhận chuyển giao, khai thác tối đa sự chuyển giao công nghệ hiện đại từ đối tác nước ngoài cho phát triển ngành công nghiệp thép theo định hướng sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, coi đây là điều kiện tiên quyết để quyết định dự án đầu tư và hợp đồng hợp tác sản xuất thép trong nước.

4. Về nguồn nhân lực

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế để phát triển nguồn nhân lực; tăng tỷ lệ nhân lực chất lượng cao đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn làm việc tại các cơ sở sản xuất. Tuyển dụng nhân lực cán bộ khoa học chất lượng cao, quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề từ các trường dạy nghề, đại học uy tín, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao cho phát triển ngành thép trong giai đoạn mới.

- Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong ngành thép xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ và thợ lành nghề. Việc đào tạo phải tiến hành theo phương châm vừa phát triển chiều rộng nhằm đáp ứng yêu cầu số lượng, đồng thời phải có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu, các cán bộ

nghiên cứu khoa học đầu ngành để chuẩn bị nguồn lực cho ngành.

- Thông qua các dự án đầu tư để đào tạo, tiếp nhận các công nghệ mới, tiên tiến hiện đại. Chú trọng đào tạo nghề để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng nắm bắt, sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và vận hành công nghệ, ứng dụng vào trong quá trình sản xuất.

5. Về bảo vệ môi trường

- Phát triển ngành thép luôn kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường. Khi triển khai dự án sản xuất thép phải tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường; trong thu hút đầu tư cần ưu tiên những dự án có công nghệ tiên tiến hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường; nâng cao chất lượng thẩm định các dự án, trong đó cần xem xét đánh giá kỹ lưỡng về công nghệ sản xuất, lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại; xây dựng các quy định cụ thể về tiêu chuẩn giám sát môi trường của các dự án sản xuất thép.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường, thường xuyên kiểm soát nguồn khí thải từ các hoạt động khai thác, sản xuất, chế biến chế tạo trong quy trình sản xuất; bảo đảm công tác kiểm soát, xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy chuẩn hiện hành; tiến hành định kỳ công tác đánh giá hiện trạng môi trường đối với các cơ sở sản xuất, đồng thời có biện pháp xử lý kịp thời đối với các doanh nghiệp vi phạm về môi trường; thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải hàng năm từ 3000 tấn CO₂td trở lên.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở về khí thải và chất lượng môi trường không khí xung quanh, các công cụ, mô hình dự báo chất lượng không khí, xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ trong ngành thép theo hướng sản xuất “thân thiện với môi trường”, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; nguyên liệu, nhiên liệu, nước,... giảm thiểu lượng khí thải, chất thải nguy hại ra môi trường.

- Tăng cường đầu tư công nghệ sản xuất thép tiên tiến nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường; sử dụng công nghệ tuần hoàn, tái sử dụng đối với tài nguyên nước trong sản xuất, chế biến thép để đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước theo Luật Tài nguyên nước.

6. Một số giải pháp cụ thể theo nhóm sản phẩm thép

- Tiếp tục đầu tư công nghệ, thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng đối với nhóm sản phẩm thép trong việc phát triển nền kinh tế; thép phục vụ xây dựng, thép hợp kim, thép chế tạo, thép hình, tôn mạ kim loại và sơn phủ màu, ống thép, thép cán nóng để ổn định tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển công nghệ trong nước để sản xuất thép tấm cường độ cao, thép dự ứng lực, thép dùng trong bê tông cốt thép ứng suất trước, thép không gỉ chống ăn mòn dùng cho các công trình biển đảo, thép siêu nhẹ sử dụng cho các thiết bị trong ngành giao thông vận tải; thép nhẹ cán nguội, thép cho ngành đóng tàu.

- Nghiên cứu sản xuất thép phục vụ nhu cầu vật liệu thép cho xây dựng hạ tầng năng lượng, thép thanh ray cho phát triển đường sắt cao tốc, thép ống đúc để

vận chuyển khí hóa lỏng, ống thép không hàn cho đóng tàu, trụ điện gió, thép chế tạo trong quốc phòng an ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan ngang bộ và các địa phương có liên quan triển khai Chiến lược này.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, xây dựng bổ sung các tiêu chuẩn (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), xây dựng quy định pháp luật về quản lý trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm, nhập khẩu, sử dụng, lưu trữ, vận chuyển thép và tiêu chuẩn thu giữ sử dụng carbon phù hợp với tiêu chuẩn của các nước phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành cơ quan liên quan rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong ngành thép; ban hành các quy định kiểm tra tại nguồn; các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất thép trong nước.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng lộ trình phát triển ngành thép (ROADMAP), trong đó có lộ trình chuyển đổi công nghệ, quy mô ngành, sản phẩm thép.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và 5 năm; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về những đề xuất, kiến nghị, các vấn đề phát sinh, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn theo thẩm quyền, bổ sung điều chỉnh chiến lược phù hợp với thực tiễn.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

Xây dựng chương trình khoa học và công nghệ quốc gia nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu về công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng thép, trong đó trọng tâm là sản xuất đầy đủ thép cho phát triển nền kinh tế.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính, tín dụng cho các dự án sản xuất thép, nhất là thép chất lượng cao trong nước chưa sản xuất được, thép phục vụ công nghiệp quốc phòng an ninh, thép công trình trọng điểm quốc gia về giao thông vận tải, năng lượng.

- Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chủ trương đầu tư đối với các dự án sản xuất thép đảm bảo đúng quy hoạch, theo quy định pháp luật Việt Nam. Tạo cơ chế thuận lợi, đảm bảo hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả đối với các dự án đầu tư sản xuất thép xanh, thép đặc biệt phục vụ phát triển nền kinh tế.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, bảo toàn đầu tư, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về

đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Bộ Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn quốc gia (QCVN) về thép xây dựng.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan về quản lý chất lượng và kinh doanh thép xây dựng. Hướng dẫn sử dụng các phế thải ngành thép làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng đảm bảo khoa học và an toàn môi trường.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền các chính sách ưu đãi về đất đai, đối với các dự án sản xuất, chế biến thép trọng điểm theo quy định của pháp luật về khoáng sản. Xây dựng kế hoạch quản lý nhà nước về môi trường ngành trong thực hiện chiến lược phát triển ngành thép đảm bảo phù hợp với quy hoạch, chiến lược quốc gia theo quy định pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan giám sát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, sức khỏe người lao động đối với các dự án sản xuất thép.

6. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai kịp thời các quan điểm, mục tiêu, định hướng và các giải pháp của chiến lược này; chủ động đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các nội dung có liên quan đến Chiến lược này.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quyết định chủ đầu tư các dự án phát triển ngành thép, bố trí quỹ đất hợp lý cho công trình sản xuất, phân phối sản phẩm thép theo kế hoạch và quy định của pháp luật. Xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển ngành thép phù hợp với từng địa phương.

8. Các Hiệp hội và doanh nghiệp

8.1. Hiệp hội Thép Việt Nam và Hội, Hiệp hội ngành

- Thực hiện vai trò cầu nối, đại diện cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thép với các cơ quan quản lý nhà nước.

- Tăng cường truyền thông, tạo cơ hội xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư giữa các doanh nghiệp ngành thép trong nước và quốc tế.

- Chủ động đề xuất và tham gia đề xuất với các Bộ, ngành liên quan trong việc tư vấn, phản biện chính sách phát triển ngành thép; phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh, đặc biệt, trong quá trình hội nhập quốc tế.

8.2. Các doanh nghiệp trong ngành thép

- Chịu trách nhiệm trong việc thực hiện Chiến lược này; phát triển các dự án, triển khai sản xuất theo kế hoạch, đảm bảo tiến độ, phù hợp điều kiện phát triển doanh nghiệp. Thực hiện tốt vai trò sản xuất và kinh doanh, cung ứng thép kịp thời cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Chủ động xây dựng, điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch sản xuất phù hợp với sự phát triển chung của toàn ngành, đồng thời xây dựng phương án, tăng cường nghiên cứu thị trường để xem xét đầu tư các dự án sản xuất thép mới góp phần tích cực vào sự phát triển ngành thép.

- Theo thẩm quyền, chức năng được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật, triển khai cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp trong chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tổng công ty Thép Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu Văn thư, CN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Bùi Thanh Sơn